

TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÀO SƠN TÂY

TUẦN 20: KHỐI 3

BÀI ÔN MÔN TIẾNG VIỆT (THỨ HAI)

1. Tập đọc:

Các em đọc các bài đọc tuần 20 sách giáo khoa Tiếng Việt 3 tập 2:

- Ở lại với chiến khu (trang 13,14) - Trả lời câu hỏi.
- Chú ở bên Bác Hồ (trang 16, 17) - Trả lời câu hỏi.

Chính tả:

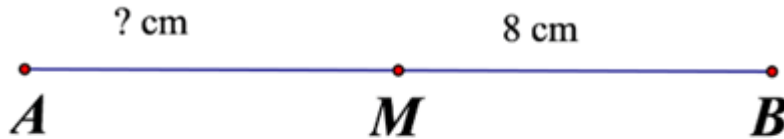
Chép từ khó vào vở rèn, sau đó chép bài vào vở Chính tả

- Bài Ở lại với chiến khu (từ Bỗng một em... đến hết) có các từ khó sau: Đoàn Vệ quốc quân, bảo tồn, thà chết, bay lượn, bùng, rục rỡ. Mỗi từ khó chép 2 dòng.
- Bài Trên đường mòn Hồ Chí Minh (trang 19) có các từ khó sau: dốc trơn, , lầy, vệt dài, thung lũng, nhích, mũ tai bèo, lúp xúp . Mỗi từ khó chép 2 dòng.

BÀI ÔN MÔN TOÁN

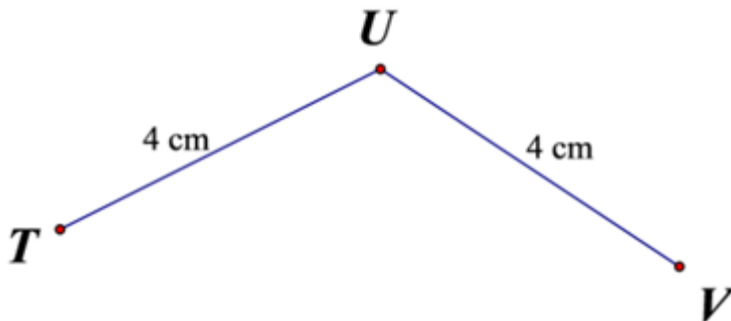
(THỨ BA)

Câu 1: Biết M là trung điểm của đoạn thẳng AB theo hình vẽ sau:



Số thích hợp điền vào dấu "?" là: cm

Câu 2: Cho hình vẽ sau: Chọn câu trả lời đúng.



U là trung điểm của đoạn thẳng TV. Đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 3:

Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm < , > , =

- | | |
|-------------------|------------------|
| a) 1952.....997 | b) 9450.....9651 |
| 1999.....2000 | 9146.....6851 |
| 6732.....6722 | 1865.....1856 |
| 900 + 99009 | 6591.....6591 |

Câu 4:

Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm < , > , =

- | | |
|-----------------|------------------------|
| a) 1km.....995m | b) 60 phút 1 giờ |
| 600 cm.....6m | 55 phút 1 giờ |
| 797 mm.....1m | 75 phút1 giờ |

BÀI ÔN MÔN TIẾNG VIỆT

(THỨ TƯ)

1. Điền vào chỗ trống:

iê hoặc ***iêc***

- xem x.....

- chảy x.....

- hiểu b.....

- xanh b.....

2. Gạch dưới những sự vật, con vật được nhân hóa ở các câu thơ, câu văn sau:

a) Những anh gọng vó đen sạm, gầy và cao, nghênh cặp chân gọng vó đứng trên bãi lầy bãi phục nhìn theo chúng tôi.

(Tô Hoài)

b) Từ nay, mỗi khi em Hoàng định chằm câu, anh Dấu Chấm cần yêu cầu Hoàng đọc lại câu văn một lần nữa.

(Trần Ninh

(Trần Ninh Hồ)

BÀI ÔN MÔN TOÁN

(THỨ NĂM)

1. Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn: 6854 , 6584 , 6845 , 6548

.....
.....

Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: 9876 , 9786 , 9678 , 9886

.....
.....

2. Tính giá trị biểu thức:

$$5000 + 3200 : 4$$

=

$$826 \times 5 + 299$$

=

$$624 : 3 \times 4$$

=.....

=

=

=

3. Tìm x.

$$x \times 4 = 936$$

$$9064 - x = 838$$

$$642 : x = 6$$

.....
.....

4. Một thư viện có 960 cuốn truyện tranh, sau đó mua thêm được bằng $\frac{1}{6}$ số truyện tranh đã có. Hỏi thư viện có tất cả bao nhiêu cuốn truyện tranh?

Giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....

BÀI ÔN TẬP TIẾNG ANH KHỐI 3 (THỨ SÁU)

UNIT 6: WHAT TIME IS IT? LESSON 4 + 5 + 6

A. BÀI HỌC

I. NEW WORDS: Các em viết vào vở mỗi từ 2 dòng

1. smile: cười mỉm
2. snow: tuyết
3. star: ngôi sao
4. sky: bầu trời
5. walk to school: đi học

II. GRAMMAR:

When does he get up?

➔ He gets up at eight o'clock.

When does she go to bed?

➔ She goes to bed at nine o'clock.

BÀI TẬP

Circle the odd one out:

- | | | |
|------------------|---------------|---------------|
| 1. <u>s</u> mile | <u>s</u> now | <u>s</u> nake |
| 2. <u>s</u> tar | <u>s</u> tay | <u>s</u> ky |
| 3. <u>s</u> ky | <u>s</u> kate | <u>s</u> mile |
| 4. <u>s</u> nake | <u>s</u> tar | <u>s</u> now |

Order the words:

1. What/ she /have / does / lunch/ time ?

2. goes / to/ at / He/ nine/ o'clock/ bed .

3. do/ have / breakfast / When / you ?

- 4 to / walk / at / seven / school/ I / o'clock.

ĐÁP ÁN MÔN TOÁN (THỨ BA)

Câu 1:

M là trung điểm của đoạn thẳng AB nên $AM = MB$

Độ dài đoạn thẳng $AM = 8 \text{ cm}$

Số cần điền vào dấu "?" là 8.

Câu 2:

Vì U không nằm giữa T và V nên U không phải là trung điểm của đoạn thẳng TV.

Đáp án cần chọn là Sai.

Câu 3:

a) $1952 > 997$

b) $9450 < 9651$

$1999 < 2000$

$9146 > 6851$

$6732 > 6722$

$1865 > 1856$

$900 + 9 < 9009$

$6591 = 6591$

Câu 4:

a) $1\text{km} > 995 \text{ m}$

b) $60 \text{ phút} = 1 \text{ giờ}$

$600 \text{ cm} = 6\text{m}$

$55 \text{ phút} < 1 \text{ giờ}$

$797 \text{ mm} < 1\text{m}$

$75 \text{ phút} > 1 \text{ giờ}$

ĐÁP ÁN MÔN TIẾNG VIỆT (THỨ TƯ)

1. Điền vào chỗ trống:

iêt hoặc *iêc*

- xem xiếc

- chảy xiết

- hiểu biết

- xanh biếc

2. Gạch dưới những sự vật, con vật được nhân hóa ở các câu thơ, câu văn sau:

a) Những **anh gọng vó** đen sạm, gầy và cao, nghênh cặp chân gọng vó đứng trên bãi lầy bãi phục nhìn theo chúng tôi.

(Tô Hoài)

b) Từ nay, mỗi khi em Hoàng định chấm câu, **anh Dấu Chấm** cần yêu cầu Hoàng đọc lại câu văn một lần nữa.

(Trần Ninh Hồ)

ĐÁP ÁN MÔN TOÁN (THỨ NĂM)

1. Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn: 6854 , 6584 , 6845 , 6548

6548, 6584, 6845, 6854

Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: 9876 , 9786 , 9678 , 9886

9886, 9876, 9786, 9678

2. Tính giá trị biểu thức:

$$\begin{aligned} & 5000 + 3200 : 4 \\ & = 5000 + 800 \\ & = 5800 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} & 826 \times 5 + 299 \\ & = 4130 + 299 \\ & = 4429 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} & 624 : 3 \times 4 \\ & = 208 \times 4 \\ & = 832 \end{aligned}$$

3. Tìm x .

$$x \times 4 = 936$$

$$9064 - x = 838$$

$$642 : x = 6$$

$$x = 936 : 4$$

$$x = 9064 - 838$$

$$x = 642 : 6$$

$$x = 234$$

$$x = 8226$$

$$x = 107$$

4.

Giải

Số cuốn truyện tranh mua thêm là:

$$960 : 6 = 160 \text{ (cuốn truyện tranh)}$$

Số cuốn truyện tranh thư viện có tất cả là:

$$960 + 160 = 1120 \text{ (cuốn truyện tranh)}$$

Đáp số: 1120 cuốn truyện tranh

ĐÁP ÁN MÔN TIẾNG ANH
TUẦN 20 KHỐI 3
(THỨ SÁU)

I. Circle the odd one out:

1. smile
2. sky
3. smile
4. star

II. Order the words

1. What time does she have lunch?
2. He goes to bed at nine o'clock.
3. When do you have breakfast?
4. I walk to school at seven o'clock.